TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TP. Hà Nội** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Bản án số: 17/2018/HNGĐ - ST *Ngày: 27/4/2018* *V/v tranh chấp: Ly hôn*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mậu Trường

Các Hội thẩm nhân dân: ***1/*** Bà ***Hoàng Thị Hòa***
2/ Ông ***Dương Xuân Đính***

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:
Bà ***Nguyễn Hải Yến*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ: Bà ***Đỗ Lê Thanh*** - Kiểm sát viên**.**

Ngày 27/4/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 613/2018/TLST - HNGĐ ngày 07/12/2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị ***Lê Thị H***, sinh năm 1985; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm 4, Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hoá; Tạm trú: Khu tập thể Cầu 11, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh ***Lê Quang A***, sinh năm 1984; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm 4, Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hoá; Tạm trú: Khu tập thể Cầu 11, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị H.

Vắng mặt: Anh A.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị H kết hôn với anh A ngày 04/4/2008 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi cưới chị H về chung sống cùng anh A và gia đình của anh A có từ trước ở xóm 4, thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hoá. Sau đó do tính chất công việc nên anh chị thuê nhà ở tại Khu tập thể cầu 11, xã H, huyện Đ, Hà Nội từ tháng 9/2011cho đến nay. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A ham chơi, cờ bạc làm ảnh hưởng đến hạnh phúc và kinh tế gia đình. Mặc dù chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh A không thay đổi khiến vợ chồng

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh A bỏ nhà đi lang thang thỉnh thoảng mới về. Kể từ tháng tháng 6 năm 2016 hai bên ly thân và bỏ mặc không còn quan tâm, có trách nhiệm gì với nhau cho đến nay.

Nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu được ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 03/5/2009 và Lê Quang L, sinh ngày 08/8/2013. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Thu nhập của chị từ nghề làm tóc khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

- **Về tài sản chung:** Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có nợ chung.

- Về công sức: Chị H xác định vợ chồng không có.

Bị đơn: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Anh A không có ý kiến trả lời Tòa án đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn cũng như không tiến hành hòa giải được. Toàn bộ văn bản tố tụng, Tòa án đều phải tiến hành niêm yết cho bị đơn. Do vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên anh A đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự và bị đơn trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên lời khai và yêu cầu như trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự là nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án trong suốt quá trình tố tụng.

Sau khi đánh giá, phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đã đi đến kết luận và đề nghị xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Quang A.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung của chị H.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc điều kiện thụ lý vụ án và sự vắng mặt của bị đơn:

Theo tài liệu là Đơn đề nghị có xác nhận của Ban công an xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội (bút lục 15); ý kiến do Ban công an địa phương nơi anh A, chị H đăng ký nhân khẩu thường trú là Ban công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh

Hoá (bút lục 64, 65) và đăng ký tạm trú là Ban công an xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội (bút lục 34, 35) cung cấp thể hiện: Anh A đăng ký nhân khẩu thường trú tại Xóm 4, thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hoá và đăng ký tạm trú tại Khu tập thể Cầu 11, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Nhiều năm nay anh A cư trú không ổn định, không còn sinh sống ở nơi đăng ký thường trú và cũng không còn sinh sống nơi đăng ký tạm trú. Anh A có liên lạc với chị Hoa nhưng không cung cấp địa chỉ hiện nay cho chị H và cũng không thông báo cho địa phương nơi anh A đăng ký thường trú và tạm trú.

Tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung."

Căn cứ quy định trên của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng cũng như tại lần mở phiên tòa và mở lại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp Tòa án phải hoãn phiên tòa. Theo quy định tại Điều 241 Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã hỏi nguyên đơn nhưng nguyên đơn không đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa do sự vắng mặt của bị đơn. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định và giành quyền kháng cáo cho đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Về yêu cầu ly hôn của chị H:

Đánh giá chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn giữa chị H với anh A (bút lục 05); Bản tự khai của chị H (bút lục 29); Biên bản lấy lời khai chị H (bút lục 38, 55); Biên xác minh tại địa phương (bút lục 34, 35); Biên bản ghi ý kiến của người làm chứng (bút lục 59, 60); Hội đồng xét xử nhận định: Chị H kết hôn với anh A ngày 04/4/2008 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân giữa chị H và anh A là hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu tháng 4 năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A ham chơi, cờ bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và hạnh phúc vợ chồng và gia đình. Mặc dù đã được chị H và gia đình góp ý nhưng anh A vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh A bỏ nhà đi lang thang thỉnh thoảng mới về gia đình.

Từ khoảng tháng 3/2016 chị H ly thân anh A. Hai bên bỏ mặc không còn quan tâm, có trách nhiệm gì với nhau từ đó đến nay.

Xét thấy, để có được hạnh phúc trong hôn nhân phải dựa trên cơ sở của lòng thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia

sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong đời sống hôn nhân của chị H đối với anh A thì không được như vậy, thực tế trong hôn nhân vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vợ chồng không thực hiện được nghĩa vụ sống chung với nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc nhau. Hai bên không còn tình nghĩa vợ, chồng.

Tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"

Như đã đánh giá, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây khó khăn cho nhau. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần được Hội đồng xét xử chấp nhận để chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa hai bên, giải phóng cho nhau sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 03/5/2009 và Lê Quang L, sinh ngày 08/8/2013. Ly hôn, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét khả năng kinh tế, thu nhập và điều kiện khác của chị H đảm bảo để trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cũng như yêu cầu của chị H phù hợp với nguyện vọng con chung của anh, chị là Lê Thị Ngọc H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao 02 con chung của anh, chị cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H xác định không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của chị H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp nên được ghi nhận.

Về tài sản: Chị H xác định không có tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh A không chấp hành việc Tòa án triệu tập, không gửi văn bản trả lời Tòa án về yêu cầu khởi kiện của chị H, Tòa án không lấy được lời khai của anh A nên không có cơ sở xác định về tài sản chung và yêu cầu của bị đơn. Do vậy, Tòa án giành quyền cho anh A có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Xác định án phí trong vụ án do Tòa án không giải quyết về tài sản nên về án phí nguyên đơn chỉ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Mức án phí chị H phải chịu là: 300.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Với tư cách người khởi kiện chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số AB/2015/0000566 ngày 11/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Số tiền này được đối trừ với số tiền án phí chị H phải nộp.

Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

- Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 203; Điều 227, 241, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 18, 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Quang A.

[2] Về con chung: Xác định các con chung của anh, chị là: Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 03/5/2009 và Lê Quang L, sinh ngày 08/8/2013. Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Lê Thị Ngọc H và Lê Quang L. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh A cho đến khi con chung của anh chị thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi một trong hai bên có yêu cầu giải quyết và Toà án có quyết định khác.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

[3] Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Anh A có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị H phải chịu cả nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AB/2015/0000566 ngày 11/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án./.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự
- VKSND huyện Đ.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mậu Trường